

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-12-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Nghi.

2. Bà Đoàn Thị Chuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quang T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn Anh Nguyễn Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị H chung sống như vợ chồng từ đầu năm 2004. Đến ngày 23/12/2008 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt và cách phát triển kinh tế gia đình và không tin tưởng nhau trong mối quan hệ xã hội... dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô xát, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Đầu năm 2020, chị H đã tự thuê nhà ở riêng, anh T không đến tìm chị H về đoàn tụ lần nào. Từ đó đến nay, anh chị ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên xin ly hôn chị H ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là C1, sinh ngày 04/11/2004 và C2, sinh ngày 01/6/2012. C1 đã đủ 18 tuổi, đang học đại học nên anh không yêu

cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Trường hợp C1 cần tiền ăn học thì anh sẽ có trách nhiệm. Cháu C2 do chị H nuôi dưỡng. Khi anh chị ly hôn, anh đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu. Trường hợp cháu có nguyện vọng ở với mẹ và chị H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng thì anh cũng nhất trí và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2 triệu đồng một tháng, từ khi ly hôn đến khi C2 đủ 18 tuổi, theo phương thức mỗi tháng một lần.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các biên bản lấy lời khai chị H, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn giữa chị với Anh Nguyễn Quang T như anh T trình bày. Trước khi kết hôn, chị và anh T chung sống với nhau như vợ chồng, sinh được 01 con chung sau đó mới đăng ký kết hôn ở quê của chị. Thời điểm đó, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, cùng làm ăn ở miền Nam. Đến khi sinh con thứ hai, chị mới đưa các con về ở cùng mẹ đẻ anh T, còn anh T vẫn đi làm ăn xa. Chị nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Sau đó, vì điều kiện làm việc mà chị thuê nhà gần chỗ làm để tiện việc nuôi dạy con. Chị xác định vợ chồng chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không đoàn tụ lần nào. Nay anh T xin ly hôn, quan điểm của chị không đồng ý ly hôn vì muốn các con có đủ bố, đủ mẹ. Tuy nhiên chị cũng không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, cải thiện quan hệ hôn nhân.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là C1, sinh ngày 04/11/2004 và C2, sinh ngày 01/6/2012. Quan điểm của chị muốn anh T phải có trách nhiệm nuôi con chung với chị. Đối với C1 đã đủ 18 tuổi đang học đại học, anh T phải có nghĩa vụ chu cấp tiền ăn học cho C1. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng C2 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi C2 với mức 5.000.000 đồng một tháng, theo phương thức một lần, thời gian tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm đến khi C2 đủ 18 tuổi thì chị mới đồng ý ly hôn anh T.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của người làm chứng cho thấy: Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn và được gia đình tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn kéo dài và hiện sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay, anh chị không đoàn tụ lần nào. Nay anh T xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án căn cứ tình trạng hôn nhân của anh chị để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và mở phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 205 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Nguyễn Quang T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao cháu C2, sinh ngày 01/6/2012 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị H số tiền 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 12/2022 đến khi C2 trưởng thành, đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung khoong ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2021/0000843 ngày 21/10/2022 anh đã nộp. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quang T khởi kiện tranh chấp về ly hôn, là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn - chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn không có yêu cầu phản tố, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế gia đình và không tin tưởng nhau trong mối quan hệ xã hội, dẫn đến cãi cọ, xô xát, không giải quyết được mâu thuẫn và còn bỏ mặc tình trạng nên hôn nhân không được cải thiện. Từ năm 2020 đến nay, anh chị ly thân hoàn toàn không còn quan tâm, gặp gỡ nhau. Lời khai của nguyên đơn và bị đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng và tài liệu xác minh, thu thập từ chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Chị H không đồng ý ly hôn không xuất phát từ quan hệ hôn nhân giữa anh chị và việc chị chấp nhận sống ly thân hoàn toàn với anh T trong nhiều năm, cho thấy anh chị để mặc tình trạng hôn nhân của mình mà không muốn cải thiện. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử có căn cứ để xử cho Anh Nguyễn Quang T ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung C1, sinh ngày 04/11/2004 và C2, sinh ngày 01/6/2012. C1 đã đủ 18 tuổi, nên không phải xem xét việc giao cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng. Cháu C2 có nguyện vọng được ở với mẹ, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng một tháng theo phương thức một lần, tính từ khi ly hôn đến khi C2 đủ 18 tuổi (đây cũng là điều kiện để chị đồng ý ly hôn). Anh T cũng nhất trí giao con cho chị H nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng một tháng, theo phương thức hằng tháng, tính từ tháng 01.2023 đến khi con Lan Anh đủ 18 tuổi. Xét thấy, anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định, mức cao nhất là 6.000.000 đồng một tháng, nên chấp nhận mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng một tháng như ý kiến tự nguyện của anh T là phù hợp.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho Anh Nguyễn Quang T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là C2, sinh ngày 01/6/2012 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 2.000.000 đồng một tháng, phương thức cấp dưỡng hằng tháng, kể từ tháng 01/2023 đến khi con C2 đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ thời điểm Anh Nguyễn Quang T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp, theo biên lai số AA/2021/0000843 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (CNKH số 83/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Đức Chính**